

PHỤ LỤC 02

Danh sách thí sinh không trúng tuyển,
Kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, năm học 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Kết quả kiểm tra, sát hạch (vòng 2)			Ghi chú
											Điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
I. GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠNG III (MÃ SỐ: V.07.05.15)														
*		Môn Toán												
1	027	Đinh Thị Như Quỳnh	30/3/2002	Nữ	Vĩnh Cửu, xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT huyện Đăk Glei	Bỏ thi			
2	028	Lê Thị Sang	19/3/1988	Nữ	483 Trần Nhân Tông, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	33,3		33,3	
3	007	Phạm Thị Thu Hà	11/5/2002	Nữ	Thôn Trung Thành, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	45,0		45,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Kết quả kiểm tra, sát hạch (vòng 2)			Ghi chú
											Điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
4	003	Đặng Hồng Cẩn	05/10/1996	Nam	Thôn 3, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Bỏ thi			
5	026	Lê Thị Thảo Nhi	21/9/2002	Nữ	10 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	45,5		45,5	
6	037	Nguyễn Văn Triều	21/7/1996	Nam	638 đường 3 tháng 2, xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Bỏ thi			
7	004	Nguyễn Đăng Đà	07/11/2002	Nam	56 Trần Quang Diệu, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Bỏ thi			
8	029	Phạm Thế Sang	19/12/2000	Nam	Thôn 14A, xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Bỏ thi			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Kết quả kiểm tra, sát hạch (vòng 2)			Ghi chú
											Điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
*		Môn Vật lý												
1	015	Vi Văn Hữu	30/12/1995	Nam	Thôn 3, xã Cư Ê Wi, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	Nùng	Không	Cử nhân sư phạm Vật lý	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT huyện Đắk Glei	59,0	5,0	64,0	
2	018	Nguyễn Thị Kiều	24/4/1994	Nữ	Thôn Phú Bình, xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Kinh	Không	Đại học sư phạm Vật lý; Thạc sỹ PP&DH môn Vật lý	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT huyện Đắk Glei	83,5		83,5	
3	034	Lê Thị Thanh Thúy	22/4/1994	Nữ	Nhà B, chung cư Ung bướu, đường Hoàng Trung Thông, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Kinh	Không	Đại học sư phạm Vật lý	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT huyện Đắk Glei	87,0		87,0	
*		Môn Hóa học												
1	042	Trần Duy Huyền	08/4/2000	Nữ	Nhà công vụ C1- 21 Trần Nhân Tông, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học sư phạm Hóa học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	60,0		60,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Kết quả kiểm tra, sát hạch (vòng 2)			Ghi chú
											Điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
2	043	Nguyễn Công Minh	05/5/1998	Nam	Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	Đại học sư phạm Hóa học; Thạc sỹ Hóa lý thuyết và Hóa lý	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	69,0		69,0	
*		Môn Ngữ văn												
1	045	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/02/1995	Nữ	29 Tạ Quang Bửu, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	54,0		54,0	
2	047	Võ Minh Thư	23/10/1999	Nữ	72 Phan Bội, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Kinh	Ki tô giáo	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Bỏ thi			
3	031	Nguyễn Thị Thuân	15/7/1988	Nữ	Thôn Kon Hnong Yốp, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học Văn học	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	Bỏ thi			
4	035	Lê Thị Thủy Tiên	15/6/1996	Nữ	Xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Kinh	Không	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	56,0		56,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Kết quả kiểm tra, sát hạch (vòng 2)			Ghi chú
											Điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
5	014	Vì Thị Hương	28/01/2002	Nữ	Thôn Đăk Trang, xã Kon Thup, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Nùng	Không	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT huyện Kon Rẫy	62,0	5,0	67,0	
6	002	Phạm Y Kim Anh	17/10/1996	Nữ	02 Đặng Tiến Đông, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Xơ đăng	Không	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT huyện Kon Rẫy	50,0	5,0	55,0	
7	019	Lem	20/7/2001	Nữ	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	Ba-na	Không	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Phân hiệu Trường Phổ thông DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	Bỏ thi			
*		Môn Lịch sử												
1	022	Nguyễn Thị Mộng	03/10/1995	Nữ	Thôn Thanh Lam Bồ, xã Phú Gia, huyện Phú Vang, thành phố Huế	Kinh	Không	Đại học sư phạm Lịch sử	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Phân hiệu Trường Phổ thông DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	70,0		70,0	
2	011	Trần Văn Hiếu	23/4/1994	Nam	Thôn 3, xã Ia Krai, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Kinh	Không	Đại học sư phạm Lịch sử	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Phân hiệu Trường Phổ thông DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	67,0		67,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Kết quả kiểm tra, sát hạch (vòng 2)			Ghi chú
											Điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
3	048	Trương Đình Tý	12/7/1996	Nam	Xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	Cử nhân sư phạm Lịch sử	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Bỏ thi			
4	006	Nguyễn Anh Đức	01/6/1985	Nam	Thôn Ia sik, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Kinh	Không	Đại học sư phạm Lịch sử	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT huyện Tu Mơ Rông	28,0		28,0	
*		Môn Địa lý												
1	023	Nguyễn Thị Hồng Nga	14/9/1998	Nữ	Làng Păng Gol - Phù Tiên, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Kinh	Không	Cử nhân sư phạm Địa lý	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Trung học phổ thông Phan Chu Trinh	Bỏ thi			
*		Môn Tiếng Anh												
1	049	Phan Thị Kim Phụng	09/4/2002	Nữ	224 Dã Tượng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Bỏ thi			
2	025	Nguyễn Thị Minh Ngọc	12/12/2002	Nữ	01/33 hẻm Bùi Hữu Nghĩa, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT Trung học phổ thông huyện Đăk Hà	53,0		53,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Kết quả kiểm tra, sát hạch (vòng 2)			Ghi chú
											Điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
3	017	Lương Thị Nguyệt Kiều	23/12/1995	Nữ	Thôn Trung Nghĩa Tây, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT Trung học phổ thông huyện Đắk Hà	59,0		59,0	
*		Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh												
1	039	Nguyễn Phi Tường	02/9/1990	Nam	Khóm 2, thị trấn Krông Klang, huyện Đắk Rông, tỉnh Quảng Trị	Kinh	Không	Cử nhân Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Trường Phổ thông DTNT Trung học phổ thông huyện Kon Plông	68,0		68,0	
2	036	Phan Thành Tính	30/7/1987	Nam	Thôn 4, xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Kinh	Không	Cử nhân Giáo dục thể chất - Giáo dục Quốc phòng	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	Phân hiệu Trường Phổ thông DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	35,0		35,0	
II. KẾ TOÁN VIÊN (MÃ SỐ: 06.031)														
1	012	Hà Thị Mai Huệ	19/01/2002	Nữ	130 Hùng Vương, xã Đắk Pék, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học Kế toán	Kế toán viên (Mã số 06.031)	Trường THPT Phan Chu Trinh	43,0		43,0	
2	001	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	14/3/1993	Nữ	27 Ka Pa Kơ Long, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Kinh	Không	Đại học Kế toán	Kế toán viên (Mã số 06.031)	Trường THPT Phan Chu Trinh	65,5		65,5	

Tổng danh sách có 32 thí sinh./.